

## KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ TĂNG THU NSNN NĂM 2020

(Niên độ Ngân sách năm 2019)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
	Báo cáo kiểm toán		GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng hợp kiến nghị tăng thu NSNN năm 2020</b>	<b>5.103.582.247.239</b>	<b>212.121.828.598</b>	<b>365.901.693.051</b>	<b>42.423.636</b>		<b>1.503.664.922.286</b>	<b>13.691.393.429</b>	<b>36.676.888.376</b>	<b>28.989.722.907</b>	<b>5.634.196.254</b>	<b>154.967.746.343</b>	<b>111.185.014.443</b>	<b>41.906.693.602</b>	<b>19.169.796.858</b>	<b>2.609.629.927.456</b>
I.	<b>Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)</b>	<b>183.531.183.470</b>	<b>9.854.323.688</b>	<b>19.005.834.625</b>				<b>4.537.303.811</b>			<b>683.465.259</b>	<b>42.312.820.794</b>		<b>152.567.633</b>		<b>106.984.867.660</b>
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9.917.041.930	1.603.063.672	2.256.173.577				49.859.192				3.470.180.042	0	0	0	2.537.765.447
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 các trường Đại học: Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bách khoa Hà Nội, Ngoại Thương, Cần Thơ	4.753.194.739	554.771.813	2.952.495.679				1.012.619.836			112.738.506	0	0	120.568.905	0	0
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	32.169.284.501	522.796.587	968.234.548				39.202.210				0	0	31.998.728	0	30.607.052.428
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải	6.262.310.110	517.515.905	1.817.409.598				198.450.576				13.591.600	0	0	0	3.715.342.431
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Nội vụ	712.970.037	363.434.014	311.700.023								37.836.000	0	0	0	0
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	45.240.194.950	1.626.243.322	1.279.132.285				66.199.384				36.638.619.959	0	0	0	5.630.000.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	22.392.618.227	2.607.400.418	363.630.664				1.044.778.784			519.906.934	0	0	0	0	17.856.901.427
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Y tế	16.371.014.699	359.201.064	2.741.441.044				363.700.919				0	0	0	0	12.906.671.672
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Bộ Xây dựng	33.724.917.713	1.095.983.888	2.508.414.554				48.820.313			27.833.300	0	0	0	0	30.043.865.658
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	331.125.579										0	0	0	0	331.125.579
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Hải quan	2.352.177.295						1.087.263.577				0	0	0	0	1.264.913.718
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng cục Thuế	3.556.718.961						423.396.468				2.152.593.193	0	0	0	980.729.300
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	3.667.480.656	462.977.142	3.020.834.434				73.169.080				0	0	0	0	110.500.000

TT	Chi tiêu Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác	
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác						
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	927.565.065	129.450.409	756.744.231				18.383.906			22.986.519	0	0	0	0	0	
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Ủy ban Dân tộc	1.052.069.008	11.485.454	29.623.988				10.959.566				0	0	0	0	1.000.000.000	
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao	100.500.000						100.500.000				0	0	0	0	0	
<b>2.</b>	<b>Ngân sách địa phương (Tỉnh)</b>	<b>2.117.576.028.037</b>	<b>27.743.037.888</b>	<b>98.117.033.983</b>				<b>1.208.715.386.206</b>	<b>4.394.776.067</b>	<b>32.520.866.796</b>	<b>27.676.709.609</b>	<b>2.092.352.570</b>	<b>111.422.728.827</b>	<b>370.552.546</b>	<b>12.308.884.625</b>	<b>593.769.116</b>	<b>591.619.929.804</b>
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Cao Bằng	247.136.559	2.767.050	105.329.243					43.885.017			95.155.249	0	0	0	0	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bến Tre	15.791.955.286	110.740.628	145.966.383					2.167.200			0	0	874.322.089	0	14.658.758.986	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Đắk Lắk	6.587.292.000	167.365.000	5.917.713.000					99.804.000	142.959.000		0	0	0	0	259.451.000	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Giang	91.110.857	1.248.318	20.662.648					6.438.279	62.761.612		0	0	0	0	0	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hải Dương	5.265.316.356	1.146.928.493	1.013.845.263							1.883.978.000	31.126.500	0	0	0	1.189.438.100	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Ninh	301.268.205	25.557.040	241.241.165								34.470.000	0	0	0	0	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Gia Lai	243.411.000		68.583.000					114.743.000	57.085.000		3.000.000	0	0	0	0	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bắc Giang	10.901.077.784	332.315.840	167.641.000								0	0	0	0	10.401.120.944	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Cần Thơ	185.271.370.155	118.325.348	199.891.901				49.889.664.876				103.750.991.317	0	0	0	31.312.496.713	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Thành phố Hồ Chí Minh	737.891.452.695	1.034.326.379	27.887.806.332				707.438.485.847	441.928.537			0	0	48.083.820	0	1.040.821.780	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hải Phòng	36.586.958.673	10.895.280	46.060.502				21.922.911.321				208.374.570	0	0	0	14.398.717.000	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Hà Nội	3.078.430.733	2.310.000	1.958.043.983								0	0	0	0	1.118.076.750	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2017 - 2019 thành phố Đà Nẵng	17.116.573.056	110.204.972	4.351.957.436				3.705.400.243				0	0	0	0	8.949.010.405	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Kiên Giang	258.624.252.220		1.348.554.553				2.850.369.901		20.046.300	2.279.993.893	0	0	0	0	252.125.287.573	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Đồng Nai	302.207.357.806	187.581.667	27.677.659.486				39.102.634.240	1.659.566.224	20.507.957.389	16.286.138.921	0	0	0	0	196.785.819.879	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Bình Phước	123.196.405.040	4.447.289.359	6.582.097.525				96.357.273.680	1.016.257.504	504.075.819	702.613.023	154.530.000	0	3.272.830.422	0	10.159.437.708	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
	Báo cáo kiểm toán		GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+I5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Kon Tum	458.294.000		335.039.000						77.237.000		0	0	0	0	46.018.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	260.895.003.485	16.670.892.215	8.829.145.610			222.398.876.367	1.135.536.114		7.608.958.666		35.260.270	0	3.426.598.890	0	789.735.353
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lai Châu	13.750.000								13.750.000		0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Long An	22.778.663.632	172.069.294	6.312.490.696			16.183.975.954	110.127.688				0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lạng Sơn	92.455.200	4.816.000	4.816.000			11.565.150					0	0	0	0	71.258.050
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Yên Bái	42.221.400	7.561.400	2.160.000								0	0	0	0	32.500.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 Tỉnh Tuyên Quang	1.176.872.701						1.400.000	188.784.820			986.687.881	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Trà Vinh	2.329.486.222	628.861.501	355.620.525						70.125.000		0	0	713.597.994	0	561.281.202
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lâm Đồng	932.461.757	65.280.340	775.916.302								91.265.115	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thanh Hóa	207.527.502		207.527.502								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Thái Nguyên	982.136.761	103.989.289	273.483.957			527.804.970	10.041.000		66.817.545		0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Sóc Trăng	2.181.328.792	1.688.502.034	413.546.758			17.134.000					62.146.000	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ninh	51.667.470.445					35.577.301.990		9.982.089.555			6.108.078.900	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Tiền Giang	34.923.408.101	2.467.720	723.531.959			601.389.924		995.136.782	14.337.600		0	0	0	593.769.116	31.992.775.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Phú Yên	136.346.153	6.664.000	60.453.518					55.738.635			13.490.000	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Phú Thọ	257.242.476	40.105.424	190.991.752						26.145.300		0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Thuận	950.969.841	143.651.081	653.869.712			21.420.000					22.583.495	0	0	0	109.445.553
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Ninh Bình	5.493.029.776	427.131.416	701.975.404				19.919.000				0	370.552.546	3.973.451.410	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Nghệ An	374.656.268		111.916.839						262.739.429		0	0	0	0	0
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lào Cai	27.849.840.071	83.190.800				12.109.177.743			5.047.620		33.944.100	0	0	0	15.618.479.808
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Quảng Ngãi	431.495.029		431.495.029								0	0	0	0	0
<b>3.</b>	<b>Kiểm toán chuyên đề</b>	<b>34.665.122.330</b>	<b>105.033.000</b>	<b>4.805.373.419</b>					<b>232.685.541</b>	<b>793.021.222</b>		<b>61.440.000</b>				<b>28.667.569.148</b>
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý thu ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	941.072.286	104.573.000						43.478.064	793.021.222		0	0	0	0	0

TT	Chi tiêu Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý và sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2017 - 2019 của tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long	6.735.002.385		883.243.495								0	0	0	0	5.851.758.890
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý đầu tư XD/CB năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	920.000	460.000	460.000								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn La	4.223.366.672										0	0	0	0	4.223.366.672
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	404.425.000		404.425.000								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	189.207.477							189.207.477			0	0	0	0	0
-	Kiểm toán chuyên đề Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia giai đoạn 2017 - 2019	22.017.720.510		3.506.281.924								0	0	0	0	18.511.438.586
-	Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh Điện Biên năm 2019	10.963.000		10.963.000								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán chuyên đề Chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2019	142.445.000										61.440.000	0	0	0	81.005.000
<b>4.</b>	<b>Kiểm toán hoạt động</b>	<b>100.313.143.969</b>	<b>59.563.247</b>	<b>253.580.722</b>												<b>100.000.000.000</b>
-	Kiểm toán hoạt động Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2019	100.194.017.476		194.017.476								0	0	0	0	100.000.000.000
-	Kiểm toán hoạt động Việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Cẩm Phả giai đoạn 2017-2019	119.126.493	59.563.247	59.563.246								0	0	0	0	0
<b>5.</b>	<b>Kiểm toán doanh nghiệp</b>	<b>2.020.900.547.898</b>	<b>37.001.139.977</b>	<b>126.484.841.470</b>	<b>42.423.636</b>		<b>294.932.704.080</b>	<b>1.978.440.298</b>		<b>272.884.000</b>	<b>1.791.043.691</b>	<b>220.490.422</b>	<b>53.428.169.968</b>	<b>9.468.587.526</b>		<b>1.495.279.822.830</b>
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An)	288.577.503										0	0	0	0	288.577.503
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam	33.629.495.049	96.433.870	186.577.871								0	33.346.483.308	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cảng sông thành phố (nay là Công ty Cổ phần Cảng Phú Định)	2.235.221.282										0	0	0	0	2.235.221.282
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	45.848.793.635	751.367.861	595.486.835					9.288.531			0	7.652.910.699	5.237.353.996	0	31.602.385.713

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
	Báo cáo kiểm toán		GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+I5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị	409.147.471.803	880.552.554	4.824.104.581			47.057.534.336	182.510.905				0	0	0	0	356.202.769.427
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí	22.561.692.252	285.107.300	21.326.112.134	42.423.636			113.862.767			555.984.637	0	0	238.201.778	0	0
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	68.323.475.748	11.550.960.798	42.008.869.242							1.235.059.054	0	10.522.707.772	3.005.878.882	0	0
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	49.520.563.951		36.841.816			23.164.121.369	751.806.222				0	1.571.563.355	25.458.509	0	23.970.772.680
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Chiếu sáng công cộng thành phố (nay là Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố)	3.776.769.611	3.776.769.611									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn)	544.744.579										0	0	0	0	544.744.579
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	248.692.810		170.765.905			77.926.905					0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Gia Định	189.443.477	189.443.477									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Đông Sài Gòn	180.249.466	24.696.521	155.552.945								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Địa ốc Thủ Thiêm	214.423.459										0	214.423.459	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận	4.550.425.151		1.137.606.288								0	0	0	0	3.412.818.863
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển địa ốc Sài Gòn 5	101.900.003		101.900.003								0	0	0	0	0

TT	Chi tiêu	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
	Báo cáo kiểm toán		GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành)	843.943.626		74.913.388								0	0	0	0	769.030.238
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú (nay là Công ty cổ phần Đóng tàu An Phú)	855.722.204						24.032.600				0	0	33.989.585	0	797.700.019
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (nay là Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn)	186.868.443.931		288.040.000								0	0	0	0	186.580.403.931
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH Kinh doanh Thủy hải sản (nay là Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn)	15.614.453.881										0	0	0	0	15.614.453.881
-	Kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	806.580.132.691	3.374.506.996									0	0	91.680.457	0	803.113.945.238
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Phú Thọ)	209.413.504.962					209.413.504.962					0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành (nay là Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ nhà Bến Thành)	459.233.850		101.031.447								0	0	0	0	358.202.403
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Hạ tầng Mạng; Kiểm toán chuyên đề hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2018-2019 của Tổng công ty Hạ tầng mạng	5.149.541.760	5.149.541.760									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	9.831.306.919	2.637.101.371	6.377.385.293			516.963.255	26.973.000		272.884.000		0	0	0	0	0
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Thủ Đức (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Thủ Đức)	722.018.889		722.018.889								0	0	0	0	0
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV	41.812.208.316		7.683.935.701			8.717.986.935					0	0	836.024.319	0	24.574.261.361



TT	Chi tiêu Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Minh	8.454.606.937	1.596.900.107	6.850.452.258							7.254.572	0	0	0	0	0
8.	<b>Kiểm toán đầu tư dự án</b>	<b>104.091.764.342</b>	<b>54.732.682.864</b>					<b>35.618.800</b>	<b>1.385.732.672</b>		<b>852.130.695</b>	<b>944.912.430</b>		<b>17.709.056.333</b>	<b>18.576.027.742</b>	<b>9.855.602.806</b>
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bình và Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	18.907.958.906	18.778.312.869									0	0	129.646.037	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8A đoạn Km37-Km85+300, tỉnh Hà Tĩnh	404.849.000	404.849.000									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	3.177.962.037										0	0	3.177.962.037	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở Tòa án nhân dân tối cao	852.130.695									852.130.695	0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, thành phố Hà Nội theo hình thức hợp đồng BOT	8.964.482.977	662.573.000									0	0	8.301.909.977	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu cạn đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long thuộc đường vành đai 3 - TP. Hà Nội	1.165.200.000	1.165.200.000									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1; Dự án đầu tư các hạng mục Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Long Phú	1.820.768.759										0	0	1.820.768.759	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT	1.064.165.455	1.064.165.455									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Sông Hậu 1	4.278.769.523										0	0	4.278.769.523	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hồ chứa nước Đông Mít	878.101.307							560.154.391			317.946.916	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và Hồ chứa nước Sông Lũy	2.596.382.645							819.032.281			585.023.058	0	0	0	1.192.327.306
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT và BT	25.666.468.440	25.666.468.440									0	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
	Báo cáo kiểm toán		GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	B	I=2+3+...+15	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Công âu thuyền Ninh Quới; Tiểu dự án 6 - Hợp phần 3 - Dự án Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long; Dự án Hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1	35.618.800						35.618.800				0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn theo hình thức hợp đồng BOT	27.287.791.698							6.546.000			41.942.456	0	0	18.576.027.742	8.663.275.500
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT)	260.348.454	260.348.454									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng	3.608.294.827	3.608.294.827									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư tuyến đường kết nối giữa cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1 giai đoạn II điều chỉnh lên quy mô cao tốc	2.272.834.364	2.272.834.364									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	19.545.455	19.545.455									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương	373.814.000	373.814.000									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức hợp đồng BT	375.240.000	375.240.000									0	0	0	0	0
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế - xã hội phía Đông tỉnh Hà Giang giáp ranh tỉnh Cao Bằng (đường tỉnh: Ngọc Đường - Tùng Bá - Tráng Kim)	81.037.000	81.037.000									0	0	0	0	0
<b>9.</b>	<b>Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng</b>	<b>372.121.897.744</b>	<b>13.946.333.594</b>	<b>91.120.357.441</b>				<b>16.832.000</b>	<b>2.383.439.257</b>	<b>2.537.603.367</b>	<b>247.108.076</b>	<b>194.949.467</b>	<b>5.353.870</b>	<b>57.386.291.929</b>	<b>2.267.597.485</b>	<b>202.016.031.258</b>
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực Quốc phòng	296.793.173.094	2.343.285.798	74.053.746.471				16.832.000	1.494.936.148	2.331.353.276	214.429.208	0	57.386.291.929	2.267.597.485	0	156.684.700.779
-	Tổng hợp Kết quả kiểm toán năm 2020 lĩnh vực An ninh - Đảng	75.328.724.650	11.603.047.796	17.066.610.970				888.503.109	206.250.091	32.678.868	194.949.467	5.353.870	0	0	0	45.331.330.479